

Ngày Giỗ Tổ

Lần giờ thế giới sử, nước ta là nước duy nhất trên hoàn cầu có ngày giỗ tổ, nhằm ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch mà ta quen gọi là Ngày HỘI ĐỀN HÙNG hay ngày GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG.

*Tháng giêng ăn Tết ở nhà,
Tháng hai cờ bạc, tháng bà “hội hè”*

hiển nhiên “hội hè” ám chỉ Hội Đền Hùng; và rõ ràng hơn:

*Dù ai đi ngược về xuôi,
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng 10 tháng 3.*

1. Nhân ngày Giỗ Tổ, chúng ta nhớ lại công đức của các vua HÙNG để hiểu rõ những bước đi của tiền nhân, những suy nghĩ và phong cách cũng như cách ứng xử của tiền nhân, đồng thời giúp chúng ta thấy rõ đâu là hướng đi lâu dài và bền vững của dân tộc.
2. Vua Hùng dựng nước Văn Lang khoảng năm 2879 trước Dương Lịch, với thể chế liên bang (15 bộ), trên nền tảng của xã thôn tự trị mang tính dân chủ: phép vua thua lệ làng.
3. Đặt nền tảng cho việc phát triển nền văn hóa hòa bình nhân bản, dân tộc mang tính khai phóng và dung hòa trong giao lưu, qua lăng kính nhân chủ và dân chủ. Nó khởi đi từ **sự hài hòa** giữa thân tâm, với nếp **sống hòa thuận** (thuận vợ thuận chồng tát Biển Đông tát cũng cạn), trong gia đình phân công (chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa), hòa mục trong xã thôn tự trị, **đến sự thái hòa** của đất nước, với chế độ địa phương phân quyền. Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa như Tiên Rồng, theo chiều kích phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng BIÊN – HÓA – Thăng hoa – Hòa đồng: hòa vào dòng sống xã hội và cùng vũ trụ.
4. Vạch ra con đường sống của dân tộc (= **Nhân Đạo**) qua lăng kính nhân chủ và dân chủ, không cần kêu cầu đến tín ngưỡng tôn giáo... ý thức hệ hoặc một hệ thống triết học kinh viện⁽¹⁾. Tất cả những tri thức thực nghiệm và kinh nghiệm sống hài hòa hàng ngàn năm trong nền văn hóa trồng lúa nước ổn định lâu đời đó cũng như con đường sống của dân tộc đã kết thành đạo sống Việt, được huyền thoại hóa trong truyện con Rồng cháu Tiên, với biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng để con cháu Việt noi theo. Cốt lõi tư tưởng Việt được gói ghém trong các huyền thoại và ca dao tục ngữ tiếng nói tâm thức của dân tộc, thể hiện trong nếp sống hài hòa (hòa cả làng) ở nơi thôn dã sẽ soi sáng việc thực hiện con đường sống của dân tộc (= **Nhân Đạo**), xây dựng nền văn minh nhân bản, xu hướng tất yếu của loài người đang hướng tới, trong thể toàn cầu hóa.

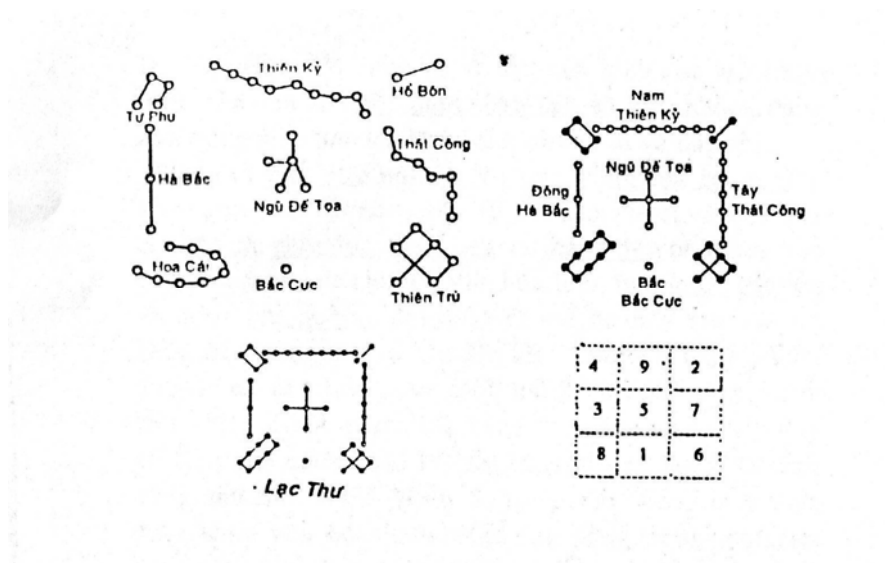
I. Sự Hình Thành Nước Văn Lang

Theo Khảo cổ học con người sống ở vùng đất mà ngày nay chúng ta gọi là miền Bắc Việt Nam đã trải qua các nền văn hóa đặc thù ảnh hưởng đến văn hóa Đông Nam Á và Trung Quốc⁽²⁾:

- A. Văn hóa Sơn Vi: với di tích người vượn núi Đọ (Thanh Hóa) và một số công cụ bằng đá.
- B. Văn hóa Hòa Bình: với nghề nông, đánh dấu một bước tiến bộ vĩ đại trong đời sống cư dân Hòa Bình. Nó để lại cho chúng ta một niềm tự hào. Hòa Bình (Bắc Việt Nam) là một trong những trung tâm phát sinh ra nghề nông sớm trên thế giới. Hạt lúa tìm được ở nền văn hóa Hòa Bình có 1000 năm sớm hơn những hạt lúa khai quật được ở Ấn Độ và Trung Quốc (Wilhelm G. Solheim II, New Light on a Forgotten Past, National Geographic, Vol. 139, No. 3, March 1971) . Nối tiếp văn hóa Hòa Bình là văn hóa Bắc Sơn.
- C. Văn hóa Bắc Sơn (Thời đại đồ đá mới, cách ngày nay khoảng 8,000 năm), hàng ngàn năm sáng tạo đã đem lại cho cư dân Bắc Sơn (Thanh, Nghệ, Tĩnh, lên đến vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Việt Bắc) nhiều thành quả tuyệt vời. Thành quả lớn của cư dân Bắc Sơn là kỹ thuật mài đá và sự ra đời của **đồ đá mài**, nổi tiếng trên thế giới. Nối tiếp văn hóa Bắc Sơn là văn hóa Phùng Nguyên.
- D. Văn hóa Phùng Nguyên (cách ngày nay khoảng 5,000 năm). Cư dân Phùng Nguyên là chủ nhân của văn hóa **sơ kỳ đồ đồng** và kỹ thuật luyện kim đầu tiên ở Việt Nam, tạo cơ sở vững chắc cho việc phát huy cao độ **văn minh lúa nước**; và mở rộng địa bàn cư trú trên lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả. Dấu vết con người thời kỳ này tìm thấy ở mọi nơi : từ miền núi, miền trung du, miền châu thổ đến miền hải đảo (Hạ Long).

Do nhu cầu trị thủy và chống xâm lăng và do phát triển kinh tế và văn hóa ngày càng đầy mạnh, các bộ lạc gần gũi ràng buộc với nhau bởi **quan hệ máu mủ, quan hệ xóm giềng** có xu hướng tập hợp lại, **liên kết với nhau**.

Thủ lĩnh của một trong các nhóm Lạc Việt đã đóng vai trò lịch sử là người đứng ra thống nhất các bộ lạc cùng chung sống trên vùng đất mà ngày nay chúng ta gọi là miền Bắc Việt Nam. Ngài tự xưng là gì không biết (?), nhưng ngày nay sử gọi là HÙNG VƯƠNG. Vua Hùng dựng nước Văn Lang khoảng năm 2879 trước dương lịch, với thể chế nói theo ngôn từ ngày nay là liên bang. Cơ cấu liên bang với 15 bộ đó đặt nền tảng trên xã thôn tự trị theo độ số của chín chòm sao trên bầu trời, ảnh hưởng đến cư dân nông nghiệp trồng lúa nước mà sau này hình vẽ cô đọng miêu tả vị trí chín chòm sao đó gọi là Lạc Thư:



Trong lạc thư các con số (hay trong chín chòm sao-các vì sao) cộng theo hàng ngang, hàng dọc hay hàng chéo đều ra con số 15.

Lịch sử cho thấy ở Phương Tây, Phương Bắc quốc gia thường được hình thành bằng chiến tranh. Tần Vương Chính diệt Lục quốc thống nhất Trung Quốc bằng vũ lực, kết thúc cuộc chiến tranh rất lâu dài gần 500 năm suốt thời Xuân Thu – Chiến Quốc.

Việc hình thành nước Văn Lang thì khác, khác hẳn. Văn Lang được hình thành không phải bằng chiến tranh giữa các bộ lạc, bộ tộc ở gần nhau. Vua Hùng thống nhất Văn Lang bằng tự nguyện.

Điều đó cho thấy cư dân sống ở miền Bắc Việt Nam thời xưa đã sớm khắc phục tinh thần rời rạc, lẻ tẻ, mâu thuẫn lẫn nhau của thời bộ lạc và làm nẩy nở trong lòng người nông dân từ thời đại ấy những mầm mống của ý thức dân tộc; với tiến trình lịch sử, ý thức ấy ngày thêm sâu sắc thêm mạnh mẽ, thể hiện tinh thần làm chủ đất nước của tổ tiên ta. Chính vì thế mà Trăm Việt chỉ còn nhánh Lạc Việt – tổ tiên dân tộc Việt Nam. Các nhóm Bách Việt khác trải dài từ sông Dương Tử đến Quảng Đông, Quảng Tây đều bị tộc Hán đồng hóa.

Tinh thần chống ngoại xâm bảo vệ nền độc lập của dân tộc và phát triển đất nước được tổ tiên ta huyền thoại hóa qua truyện Thánh Gióng để con cái Việt noi theo. Truyện Thánh Gióng là thiên thần thoại rất đẹp ngợi ca tinh thần chiến đấu bất khuất vì độc lập, tự do, ngợi ca cuộc chiến tranh thần thánh chống ngoại xâm của dân tộc. **Người anh hùng làng Gióng là hình ảnh tuyệt đẹp của dân tộc Việt Nam trưởng thành nhanh chóng** trong gian lao vì nạn nước. Đất nước này, dân tộc này, cũng như cậu bé làng Gióng, vừa mới có ý thức thì hai vai đã nặng gánh hai nhiệm vụ: làm ăn và đánh giặc. Và chính vì vậy mà dân tộc Việt Nam sớm đã được tối luyện trong ý thức dựng nước và giữ nước, hai mặt này gắn bó với nhau, thể hiện cụ thể trong tư thế vừa sản xuất phát triển, vừa chiến đấu. Đó là hai mặt cơ bản trong nội dung đời sống xã hội của dân tộc ta.

II. Vua Hùng

Vua Hùng đã củng cố và đặt nền tảng cho việc phát triển nền văn hóa **hòa bình nhân bản dân tộc** mang tính khai phóng và dung hóa trong giao lưu qua lăng kính nhân chủ và dân chủ. Văn hóa là **đặc tính riêng của con người**, không có sinh vật nào khác có thể làm được; và văn hóa là **kết tinh, chọn lọc, dung hóa và thăng tiến** để thăng hoa cuộc sống và con người. Văn hóa luôn luôn biến chuyển và được lưu truyền, cải biến từ thế hệ này qua thế hệ khác theo dòng lịch sử của dân tộc. Văn hóa được hình thành từ cách sống, cách nhìn, cách nghĩ, cách làm, cách ăn, cách mặc, cách ứng xử... hay nói cách khác bởi tất cả mọi sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần.

Từ nếp sống hài hòa, vua Hùng đặt nền tảng cho triết lý sống thái hòa (nếp sống hài hòa). Tổ tiên dân Việt đã sống và lớn lên trong môi trường thảo mộc (**cây lúa nước**) và **nước** (nguồn sống của muôn loài). Tổ tiên ta đã quan sát và thể nghiệm sức sống bình dị, lành mạnh, an hòa của thảo mộc và lòng cao cả nhân ái của thiên nhiên: Thiên nhiên với những yếu tính của nước bao quanh môi trường sống mà tổ tiên ta đã sống từ đời này qua kiếp nọ. Từ **cái làm** (trồng lúa nước) đến **cái ăn** (gạo, đạm thủy sản) **chỗ ở** (sống trên thuyền bè, nhà sàn trên nước) giao thông (thuyền, cầu phao), quân sự (giỏi thủy chiến), đến cái chết (thủy táng) đều liên hệ đến nước. Có lẽ trên thế giới chỉ có người Việt Nam gọi quê hương mình là **nước: nước Văn Lang, nước Việt Nam**.

Chính mối quan hệ thiết thân giữa người và nước đã giúp tổ tiên chúng ta nắm bắt được các yếu tính của nước và thể nghiệm chúng trong cuộc sống của dân tộc. Nước đã đi vào cõi sâu thẳm của tâm hồn người Việt xưa. Nó đã trở thành yếu tố thiêng liêng trong tâm thức của người dân Việt. Lòng sùng kính vua Rồng ở cõi nước là do ảnh hưởng của môi trường sống và sinh hoạt trồng lúa nước. **Có thể nói cây lúa nước và nước đã thăng tiến sự hiểu biết, đồng thời xây dựng những yếu tính đặc thù của nền văn hóa Việt, và người Việt Nam**. Tiến Sĩ H. R. Ferraye cho rằng nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính cách không chối từ của nó. Tự mình, nước biết **gạn đục khơi trong** như là người Việt Nam vậy.

Thực ra, nó chỉ có một chối từ: sự đồng hóa cưỡng bức. Còn lại, nó tìm cách dung hóa và hội nhập mọi sở đắc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam đảo, của Âu Tây... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật (Trần Quốc Vượng – Văn Hóa Việt Nam, Trang 44).

Thiên nhiên đã trở thành người thầy muôn thuở của dân tộc Việt. Tổ tiên ta đã học được nguyên lý thái hòa từ thiên nhiên. Từ sự hiểu nghiệm đó, tổ tiên ta xây dựng nếp sống hài hòa (đạo sống thái hòa) trong xã thôn tự trị. **Hài hòa giữa thân tâm** để chuyển hóa tâm thức; **hài hòa giữa người với người** để chung sống yên vui thanh bình trên nền tảng của gia đình phân công (chồng chài, vợ lưới, con câu) trong tinh thần hòa thuận (thuận, vợ thuận chồng, tác Biển Đông cũng cạn) hòa mục trong xã hội thôn trị mang tính dân chủ (phép vua thua lệ làng) và dụng hợp được tự do và bình đẳng (công bằng là đạo người ta ở đời) đến sự thái hòa của đất nước với chế độ địa phương phân quyền; **hài hòa giữa người với thiên nhiên** để con người thăng hoa như Tiên Rồng (như nước bốc hơi) thăng hoa mãi theo chiều **kích tâm linh (phát triển tình thương và trí tuệ**, với định hướng BIÊN- HÓA, thăng hoa, hòa đồng).

Tinh Thần Nhân Bản: Lấy con Người Làm Gốc cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần

Nghề nông trồng lúa nước buộc con người sống quần cư hài hòa trong xóm làng. Sống quần cư là sống với tha nhân, hàng xóm láng giềng.

Chính cây lúa đã làm cho con người trầm tĩnh lại, **hiền hòa** hơn và trở thành người hơn (người trưởng thành). Cây lúa nói riêng, nông nghiệp trồng lúa nước nói chung đã xây dựng nếp sống quần cư hài hòa. Săn bắn có thể chỉ cần đến sức mạnh của một cá nhân nhưng trái lại nghề nông trồng lúa nước đòi hỏi nhiều người, nhiều gia đình hợp lại, đôi công giúp đỡ lẫn nhau thì đồng ruộng mới tốt tươi. Thường xuyên sống bên nhau, tương thân tương trợ nhau trên đồng ruộng, trong đời sống, cùng vui chơi giải trí nơi hội hè đình đám sau các vụ mùa, bắt buộc người nông dân phải tương nhượng, thích nghi cởi mở, bao dung để sống quần cư hài hòa trong xóm làng: hòa cả làng.

Từ kinh nghiệm sống đó, với lối sống bình dị thuần phác, phóng khoáng, luôn thích nghi với thiên nhiên, tổ tiên ta học được, nắm bắt được nguyên lý thái hòa từ thiên nhiên. Từ sự hiểu nghiệm đó, tổ tiên ta sớm ý thức lấy hài hòa làm chủ đạo cho mọi ứng xử: hài hòa thân tâm, hài hòa trong gia đình đến ngoài xã hội và mở rộng ra trên bình diện quốc gia. Điều đó cho thấy, lối sống định cư định canh với nghề trồng lúa nước ổn định lâu đời tạo nên nếp sống quần cư hài hòa trong xóm làng, lấy tình nghĩa làm đầu (một bồ cái lý không bằng một tí cái tình) coi gia đình phân công là nền tảng của xã hội, trong tinh thần hòa thuận và quan niệm xem con người là trung tâm mọi hoạt động và tư duy. Đó là môi trường thích hợp cho tình thương nảy nở và phát triển một cách hồn nhiên trong sáng:

“Người trong một nước phải thương nhau cùng”

“thương người người lại thương ta”

Dần dần sự hiểu nghiệm sâu sắc của nếp sống quần cư hài hòa trong xã hội giúp tổ tiên ta ý thức: “ghét người, mình lại hòa ra ghét mình”.

Từ tri thức thực nghiệm đó đạo lý dân tộc được hình thành:

“Thương người như thể thương thân” (không phân biệt mình người).

Rồi đạo lý đó được cụ thể hóa: *“Lá lành đùm lá rách.”*

“thấy người đói khát thì nhường miếng ăn.”

“thường người bớt miệng mà cho.”

“may thay ở chốn bình yên, thấy người hoạn nạn nhớ quên sao đành.”

Người dân Việt xem trọng con người và sự sống đến độ chấp nhận “ngu si hướng thái bình”. Nhưng lịch sử cho thấy dân tộc Việt thà chết chứ không chịu sống trong nô lệ: Trần Bình

Trọng chẳng may sa vào tay giặc Mông Cổ. Chúng dụ dỗ làm vương đất Bắc, Trần Bình Trọng đã quắc mắt vào mặt giặc: Thà làm quỉ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc.

Kinh nghiệm sống hài hòa giữa người với người trong xóm làng, trên đồng ruộng, trong xã hội, nơi hội hè đình đám giúp tổ tiên chúng ta sớm ý thức **lấy con người làm gốc** cho mọi sinh hoạt và tư duy. Rồi ý niệm nhớ ơn tiền nhân, nền tảng của **tục thờ cúng tổ tiên** bắt nguồn từ việc ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ đến công lao của kẻ trồng cây. **Người thờ người, thờ nhân tính – thì còn gì nhân bản hơn.**

Như vậy, tinh thần nhân bản trong nền văn hóa Việt, văn hóa trồng lúa nước – không phải từ trên trời rơi xuống, hay do một người đấng đạo nào đó hoặc do một hệ thống triết học chỉ dạy cho dân tộc Việt Nam; mà do tình gia đình (tình mẹ con, cha con, lòng hiếu thảo) môi trường sống (khí hậu nhiệt đới gió mùa với những đồng bằng phù sa trù phú), cách làm ăn (trồng lúa nước) với nếp sống tương nhượng **quần cư** hài hòa trong xóm làng (xã thôn tự trị) **đã tôi luyện hun đúc nên.**

Sống với nghề trồng lúa nước ổn định lâu đời, tổ tiên ta sớm ý thức **vai trò của con người vô cùng quan trọng** chẳng những vì nhu cầu điều hợp qua sự vận dụng trí thức thực nghiệm mà còn vì sự đóng góp công sức lao động trong tiến trình canh tác phức tạp của nghề trồng lúa nước.

Thức tế cho thấy dù đất đai màu mỡ, dù mưa thuận gió hòa rất thích hợp cho việc cày bừa, gieo trồng, nhưng **không có con người thì việc trồng trọt, cày cấy không thể thực hiện được.**

Tất cả quy về người, rời từ người mà ra mọi việc, mọi sự, mọi hoạt động, mọi suy nghĩ và v.v....

Không có con người thì không có gì cả, không có văn hóa, kinh tế, chính trị, đạo đức, tôn giáo v.v.... Không có con người, vũ trụ có đó, nhưng có cũng như không, không có ý nghĩa gì cả.

Trong nền văn hóa Việt thân thánh là **con người** thăng hoa vì đã có những hành động hoặc thành tích giúp dân, cứu nước, **được người dân vinh danh thành thần**, nhân thần (Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng, Thành Hoàng Làng v.v....). Người thờ người – nhân thần – thể hiện tinh thần nhân bản cao độ.

Tinh Thần Thực Tiễn: Thực tại là tiêu chuẩn của chân lý

Như trên đã trình bày chính “**cây lúa nước**” nói riêng, “**thiên nhiên**” nói chung đã thăng tiến sự hiểu biết; đồng thời xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc và đặc tính cũng như tinh thần của người Việt xưa. Trong đó tinh thần quan trọng nhất là tinh thần thực tiễn vì hầu hết các đặc tính và tinh thần khác được rèn luyện / kiến tạo từ tinh thần thực tiễn. Tinh thần thực tiễn đã rèn luyện cho người nông dân Việt xưa **lối suy tư thức tiễn cụ thể và thiết thật** cùng nếp sống hài hòa. Người nông dân Việt nhìn đời với cái nhìn thực tiễn để thăng hoa cuộc sống và con người. Người nông dân, với óc thực tiễn, họ **chấp nhận** hiện thực – thực tại – sự kiện đang xảy ra mà

không có vấn đề với nó. Họ hóa giải mâu thuẫn bằng tương nhượng, thích nghi, hài hòa, chứ không bằng một chân lý của một triết thuyết. Nói cách khác họ chú trọng tới “chân thật” – mang tính thực tiễn của nó được thực chứng qua chính sự hiện thực và trí thức thực nghiệm – hơn là chân lý của một triết thuyết mang tính trừu tượng và thuyết phục.

Chính nếp sống hài hòa và lối tư duy thực tiễn, cụ thể và thiết thực đó lại giúp tổ tiên ta nắm bắt được thêm một cách sâu sắc những yếu tính của “**nước**”, “cây lúa nước” và “thiên nhiên” như lý tương quan nhân quả, lý đối lập thống nhất, tính không chấp, tinh thần cộng đồng, tinh thần co việc thì đến hết việc thì đi v.v....

Sau một thời gian dài, từ săn bắt hái lượm, đào củ - sống du canh du cư – người Việt cổ thời Hòa Bình, sớm định cư trồng trọt, thuần hóa cây nông nghiệp, thú vật, **chuyên sang đời sống quần cư hài hòa** trong xóm làng với nghề trồng lúa nước và nuôi gia súc.

Ai đã dạy họ trồng trọt? Phải chăng môi trường sống và đời sống thực tiễn là ông thầy của họ? Thường ngày họ hái lượm quả chín trong rừng sâu, đêm về hang động, ăn xong, vứt hạt xuống đất ẩm, hạt nảy mầm, mọc lên cây, sinh hoa kết trái.

Từ đó, họ phá rừng để biến thành vườn – nương; vườn tược trồng cây ăn trái, đời nương trồng rau dưa, bầu, bí, khoai v.v....

Thế là nghề nông xuất hiện, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong đời sống của cư dân Hòa Bình. Từ những kinh nghiệm trồng trọt nói trên họ thấy ra được nước giúp cho thảo mộc tăng trưởng mạnh và tốt tươi, họ tìm cách thuần hóa cây lúa hoang thành cây lúa trồng dưới ruộng nước, và thuần hóa con trâu để giúp họ canh tác ruộng lúa nước. Tiến trình canh tác lúa nước được chia ra nhiều công đoạn: cày bừa, nhổ mạ, cấy lúa v.v... (cách thuần hóa cây lúa nước và kỹ thuật canh tác lúa nước không thuộc chủ đề của bài này).

Cách kiếm ăn mới – trồng trọt, trồng lúa, trồng lúa nước – đòi hỏi phải biết kỹ hơn, sâu sắc hơn về cây cỏ, thời tiết, nắng, mưa v.v... chẳng hạn trồng lúa nước, không phải muốn gieo hạt giống lúc nào là gieo lúc ấy, mà phải đúng thời tiết từng thời vụ.

Từ buổi đầu con người (thời văn hóa Sơn Vi, Hòa Bình, Bắc Sơn) quan sát thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn Của Trời Đất) để học hỏi. Thiên nhiên là người thầy đầu tiên của cư dân Hòa Bình, Bắc Sơn, tiền thân của dân tộc Việt Nam.

Quan sát để học. **Học để biết. Biết để làm. Làm để sống.** Rồi vừa làm vừa học. Làm đến đâu học đến đó. Biết đến đâu sống và làm đến đến đó. Biết rồi bảo nhau cùng biết để thăng tiến con người. Thăng tiến con người đồng nghĩa với thăng tiến xã hội và ngược lại. Vì sống phải làm, mà làm thì tăng sự hiểu biết “Sống – Làm – Biết” và ngược lại “Biết – Làm – Sống”.

Về sau, mãi về sau, nhiều ngàn năm sau, cái trí thức thực nghiệm “Sống – Làm – Biết” và “Biết – Làm – Sống” ở thời đại đá mới đã được tổ tiên ta huyền thoại hóa, qua hình ảnh Tiết Liệu biết cách làm bánh, rồi tự tay làm bánh để dâng cúng tổ tiên và tiêu dùng (sống) trong chuyện “bánh dày bánh chưng”. Phải chăng Tiết Liệu làm bánh dâng cúng tổ tiên và được vua

cha chọn làm thái tử có thể là hư cấu, là huyền thoại nhưng tục thờ cúng ông bà và tri thức nghiệm “sống – làm – biết” và “biết – làm – sống” tức tinh thần thực tiễn lại là hiện thực?

Kinh nghiệm sống cho biết con người học hỏi bằng mắt: **quan sát**; học hỏi bằng tay: **lao động** và học hỏi bằng óc: **suy tu, nhân xét, sáng tạo**. Người nông dân trồng lúa nước phải quan sát trời (thời tiết), trăng, sao, đất đai, mưa, gió thật tỉ mỉ để hoạch định công việc cấy cấy, để săn sóc, chăm bón cho đồng ruộng.

Sống với nghề trồng lúa nước ổn định lâu đời, cách ngày này 8,000-9,000 năm (thời đại văn hóa Hòa Bình) người nông dân Việt, với kinh nghiệm sống thực tiễn, thấy rằng muốn giải quyết các khó khăn trong cuộc sống thì **phải** nhìn thẳng vào sự thật trong hiện tại (thực tại). Về sau ông cha diễn đạt cái biết này qua câu:

“Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn”.

Nghề trồng lúa nước bắt buộc người nông dân nhìn thẳng vào đất đai, thiên nhiên, thời tiết:

*Người ta đi cấy lấy công
Tôi đây đi cấy còn trông nhiều bề
Trông trời trông đất trông mây
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.*

Quan sát những hiện tượng thiên nhiên như thời tiết, hướng gió, độ mưa, sắc mây, quang trăng, én bay thấp hay cao, quạ tắm hay sáo tắm... tức là **quan sát thực tại**.

Từ cảm nhận môi trường sống nông nghiệp trồng lúa nước đưa đến cảm nhận Thiên Thu Vô Ngôn Của Trời Đất (Thiên Nhiên) một cách sâu sắc tự nhiên.

Cảm, khám phá, thấy ra và thu thập những nguyên lý biến dịch vận hành của thiên nhiên, rồi vận dụng những nguyên lý đó phục vụ đời sống. Những nguyên lý đã được biến cải qua kinh nghiệm sống lâu dài, với óc phân tích (học mở) và tổng hợp (học gói) để thích ứng, thích hợp với đời sống con người.

Những hiểu nghiệm đó dần dần cô đọng trong tâm thức của tộc, rồi phản ảnh lại môi trường sống nông nghiệp, trải qua quá trình thực nghiệm trong đời sống được diễn đạt qua ca dao tục ngữ, tiếng nói tâm thức của dân tộc để ứng dụng vào mọi lãnh vực của đời sống sinh động theo chiều dài của lịch sử dân tộc.

*“Quạ tắm thì ráo (nắng)
Sáo tắm thì mưa”
“Én bay thấp mưa ngập bờ ao
Én bay cao mưa rào lại tạnh”
“Trăng quàn thì hạn, trăng tán thì mưa”
“Thậm đông thì mưa, thậm dưa thì khô, thậm vú thì chữa, v.v... và v.v....”*

Nói theo ngôn ngữ triết học ngày nay tổ tiên ta đã sớm **ý thức thực tại là tiêu chuẩn của chân lý**.

Trí thức thực nghiệm của người nông dân Việt xưa căn cứ trên quan sát các hiện tượng thiên nhiên, cuộc sống của chính mình, rồi đem các qui luật vận hành đã ghi nhận được ứng dụng vào lãnh vực liên hệ đến cuộc sống hàng ngày.

Quy luật vận hành của bốn mùa, hướng gió, độ mưa của từng thời kỳ, sắc mây, quãng trăng... đã được ứng dụng vào việc dự báo thời tiết cho nhà nông, vì thế cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống thảo mộc và thiên nhiên. Đây là mối liên hệ mật thiết, tương quan, tương cảm đã phản ảnh sâu đậm trong “nhân sinh quan thảo mộc” với “cái nhìn thảo mộc” (thích nghi, hài hòa) của nông dân Việt. Nó khác với cái nhìn “đàn lữ”, chăn nuôi theo bầy với đánh đập la hét của người Trung Hoa và Tây Phương với nhân sinh quan du mục.

Chính cái trí thức thực nghiệm đã rèn luyện, xây dựng và phát triển óc thực tiễn của người Việt xưa.

Với óc thực tiễn của nông dân Việt ngày xưa chấp nhận thực tại (sự thật đang xảy ra) mà không có vấn đề với nó. Như trên đã nói họ chú trọng chân thật – mang tính thực tiễn được thức chứng – hơn là chân lý của một triết thuyết mang tính trừu tượng siêu hình cần rao giảng thuyết phục. Tổ tiên ta đã dạy: “**Trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua**”.

Tinh Thần Nhân Chủ:

Thực tế cho thấy nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, và kỹ thuật trồng lúa nước đã rèn luyện hun đúc cho nông dân trồng lúa nước tinh thần nhân chủ. Muốn thu hoạch được kết tốt đẹp trong việc trồng trọt, trồng lúa nước, nông dân phải **chủ động** quan sát các hiện tượng thiên nhiên:

*Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời trong bể lặng mới yên tâm lòng.*

Nói gọn một câu:

Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn.

Nghĩa là quan sát hiện tượng thiên nhiên, thời tiết để quyết định xếp đặt công việc trồng trọt, làm mùa màng v.v... Nếu mưa to, gió lớn, giông tố nổi lên nông dân không dại gì mà cày bừa, nhổ mạ, cấy lúa trong những trường hợp đó. Nếu “trời trong bể lặng”, nông dân mới yên tâm cày cấy. Người nông dân chủ động trong mọi sinh hoạt của nông vụ.

Từ kinh nghiệm sống đó, dần dần họ ý thức **đời sống con người** – mọi sinh hoạt trong gia đình trên đồng ruộng, ngoài xã hội – vui tươi hay buồn khổ, thương yêu hay hận thù **đều do**

con người tự quyết định và tạo lập lấy, chứ không phải do ý muốn của thần linh hay bất cứ yếu tố nào bên ngoài con người. **Con người tự mình làm chủ chính mình**. Triết học ngày nay gọi là tinh thần nhân chủ.

Trên bình diện tâm lý và xã hội nhân chủ là tinh thần cao độ của một tập thể con người tôn trọng con người, xem con người là trung tâm của mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần (Nhân Bản), làm chủ tâm tư tình cảm và dục vọng (làm chủ bản thân) chấp nhận dị biệt, hài hòa với chính mình, tha nhân và thiên nhiên. Chỉ có tập thể con người, sống thực, sống đúng, sống biết, sống trọn vẹn với thực tại (cái đang diễn biến trước mắt) thì mới ý thức **tự chủ** và **sáng tạo**.

Kinh nghiệm sống đã xây dựng nhân sinh quan và vũ trụ quan xem **thiên nhiên, con người**, và **đất đai** là ba yếu tố hài hòa trong triết lý sống thái hòa: đó là **minh triết đời sống**, chứ không phải minh triết kinh điển hay minh triết tử viết, sách vở kinh điển.

Ý thức Trời – Người – Đất (đầu đội trời, chân đạp đất) cùng một thể, từ đó manh nha đặt cơ sở cho ý thức **phát triển tâm linh** vốn đã nhen nhúm trong sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên và đất đai, cũng như mối liên hệ thiêng liêng nối liền các thế hệ (quá khứ, hiện tại, tương lai) qua tục **thờ cúng tổ tiên**.

Nền văn hóa trồng lúa nước là một thể nghiệm sống của sự hòa điệu giữa Trời – Người – Đất trong đó sức cần lao cũng như tri thức thực nghiệm của con người được ứng dụng và điều hợp một cách sáng tạo sao cho hòa nhịp và kết hợp với thời tiết (Trời) và đất đai để cho lúa được tốt tươi. Mối liên giữa Trời – Người – Đất thật gần gũi, đồng cảm và đồng đẳng. Từ đó manh nha và lâu dần hình thành tinh thần nhân bản và nhân chủ.

Nền văn hóa trồng lúa nước là một thể nghiệm cụ thể của triết lý Trời – Người – Đất cùng một thể mà Hán nho sau này chỉ phản ánh cái **thể** và cố tình bóp méo cái **dụng** với triết lý tam tài: Thiên – Địa – Nhân.⁽³⁾

Hiếm thấy và chưa có một nền đạo học nào trên thế giới diễn đạt được nhân sinh quan “Trời – Người – Đất” cùng một thể một cách ngắn gọn mà đầy đủ ý nghĩa tinh thần nhân chủ trong triết lý sống của nền văn hóa trồng lúa nước qua bài thơ của Trần Cao Vân:

*Trời Đất sinh Ta có ý không,
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong.
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,
Trời Đất in Ta một chữ đồng.
Đất nứt Ta ra Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất mênh mông.
Trời che Đất chở Ta thông thả
Trời Đất Ta đầy đủ hóa công.*

Vai Trò của Người Phụ Nữ: Tinh Thần Bình Đẳng

Vai trò của con người hết sức quan trọng, chẳng những vì nhu cầu điều hợp qua sự vận dụng tri thức thực nghiệm, mà còn vì sự đóng góp công sức lao động trong tiến trình canh tác

phức tạp. Và cũng vì nhu cầu đó mà có nhiều con cái được xem là lộc Trời cho, vai trò của người mẹ trở nên quan trọng, nền tảng gia đình trở nên cần thiết trong việc kế thừa ruộng đất của tổ tiên cũng như phát triển hoa màu hiện có.

Tiến trình canh tác lúa nước được chia ra nhiều công đoạn: nặng nhọc như cày bừa, nhẹ nhàng hơn như cấy lúa, nhổ cỏ, tát nước... Vì thế, nam cũng như nữ được phân công hợp tác vào từng công đoạn thích hợp: nặng nhọc cho nam, nhẹ nhàng cho nữ... Vai trò người nữ trong nền văn hóa nông nghiệp do đó cũng đặc trưng *chứ không đến nỗi hầu như vô dụng như trong nền văn hóa du mục khi họ phải sống bám vào sức lực của người nam. Từ đó người nữ trong xã hội nông nghiệp được đối xử bình đẳng hơn*⁽⁴⁾. Tinh thần bình đẳng trong nếp sống Việt được huyền thoại hóa qua bức trăm trứng với hình ảnh nở trăm con cùng một lúc, và trong truyện Chử Đồng Tử và Tiên Dung.

Ý Thức Công Đồng

Sự phức tạp của kỹ thuật trồng lúa nước đòi hỏi nông dân phải có một tinh thần kỷ luật và cộng tác cao, cũng như phải có ý thức trách nhiệm chung. Sợ xảy một chút, để ruộng thiếu nước hoặc úng nước, là có thể đưa đến mất mùa, đói kém. Trong trường hợp cần chống hạn hoặc phòng lụt toàn dân làng phải dốc toàn lực, sát cánh đối phó ngày đêm dưới sự điều động của các chức sắc trong làng. *Ý thức công đồng từ đó mạnh mẽ, đặt cơ sở phát triển cho ý thức dân tộc vốn đã nhen nhúm trong sự gắn bó của nông dân với ruộng đất và làng mạc, cũng như mối liên hệ thiêng liêng nối liền các thế hệ qua tục thờ cúng tổ tiên*⁽⁵⁾.

Ý Niệm Luân Hồi, Tái Sinh

Như đã nói ở trên tri thức thực nghiệm của nông dân Việt căn cứ trên sự quan sát các hiện tượng thiên nhiên và đem quy luật vận hành của bốn mùa, hướng gió, độ mưa của từng thời kỳ, sắc mây, quang trăng... đã được ứng dụng vào những lãnh vực liên hệ đến cuộc sống hàng ngày. Vì thế, cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống của thảo mộc và thiên nhiên. *Đây là mối liên hệ mật thiết, tương thông tương cảm đã phản ánh sâu đậm trong nhân sinh quan của nông dân Việt. Liên hệ nhân quả* qua quán chiếu từ giống tốt tạo nên nhánh lúa trĩu hạt. *Ý niệm luân hồi, tái sinh rút ra từ chu trình thảo mộc qua bốn mùa*⁽⁶⁾.

Tâm Linh Việt

Ý niệm tri ân tiền nhân, nền tảng của tục thờ cúng tổ tiên, bắt nguồn từ việc “uống một ngụm nước trong mát phải nhớ đến nguồn nước, ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ đến công lao của kẻ trồng cây”. Nhân sinh quan thảo mộc / thiên nhiên này đã tạo nên một không gian tâm linh, một chiều kích thứ tư, **khiến con người tương cảm, tương cần với tiền nhân**. Trong gia đình con người cảm thấy vững tâm với linh cảm rằng mái ấm gia đình của mình luôn luôn có sự che chở của **tổ tiên** ngự trị trên bàn thờ gia tiên. Đối với nông dân Việt, sự an bình trong làng mạc của họ được vị **Thành Hoàng Làng** trấn ngự dưới mái đình làng phù trợ. Mở rộng ra đến cả nước thì Quốc Tổ sẵn sàng tiếp ứng hữu sự, khi con cái cất tiếng kêu cầu: “Bố ơi! Về giúp chúng con”⁽⁷⁾, trong ý nghĩa “Bố là tinh thần dân tộc, là con đường sống của người dân Việt (= **Nhân Đạo**) qua lăng kính nhân chủ và dân chủ.

Lý Đối Lập Thống Nhất: Đối Lập là Bổ Sung

Một hiện tượng hết sức phổ biến trong thiên nhiên mà nông dân Việt đã quán chiếu được: đó là mọi sự vật trên đời hầu hết hợp thành từng cặp bổ túc và bổ nghĩa cho nhau qua sự tương phản và nếu được kết hợp, chúng sẽ chuyển hóa thành một thể tổng hợp mới hài hòa trọn vẹn, như sáng – tối, nam – nữ... Ban mai và ban tối hợp lại thành một ngày vẹn. Người nam sẽ chưa thành nhân nếu chưa kết hôn với người nữ để cùng nhau xây dựng một mái ấm gia đình, sinh con đẻ cái. Qua sự quán chiếu đó, nông dân Việt rút ra được quy luật: muốn đạt được sự hài hòa thì phải kết hợp (thống nhất) các mâu thuẫn, di biệt (đối lập)⁽⁸⁾. Nói theo ngôn từ triết học ngày nay đó là quy luật / lý đối lập thống nhất. Từ tri thức thực nghiệm đó tổ tiên ta sớm ý thức “đối lập là bổ sung”, thể hiện qua nếp sống chấp nhận dị biệt: *rằng trong lẽ phải có người có ta*. Lý đối lập thống nhất được tổ tiên ta huyền thoại hóa qua biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng.

Phân Công Hợp Tác: Thuộc Tính của Lý Lập Thống Nhất

Nhân sinh quan của nông dân trồng lúa nước đặt nền tảng trên sự hài hòa, phối hợp Trời – Người – Đất. Muốn đạt được hài hòa phải chấp nhận dị biệt trong bình đẳng, tương thân và tương tác; từ đó mới thực hiện được sự phân công hợp tác một cách tốt đẹp. Nhân sinh quan này bắt nguồn từ vai trò bình đẳng của con người với trời đất trên cõi đời này. Vì thế, cốt lõi của nhân sinh quan này là Nhân Chủ: trí tuệ, tình người và sức lực con người là chủ yếu. Vai trò của người nữ được trân trọng, tình gia tộc thăm thiết, tình hàng xóm láng giềng khẩn khít, cùng chia sẻ ngọt bùi, cay đắng nên sự hợp tác chặt chẽ, sự phân công hợp tình hợp lý, tinh thần trách nhiệm chung cao, do ý thức cộng đồng sâu sắc.

Qua lăng kính nhân chủ, trời đất được nhân cách hóa thành cha Trời mẹ Đất và cỏ cây, sông núi cũng đều có linh khí như con người. Cùng lúc đó, một không gian tâm linh bàng bạc phủ trùm toàn thể các sinh hoạt của người nông dân: hồn thiêng tổ tiên, sông núi lúc nào cũng như cận kề với họ. Sự hài hòa **khởi đi từ sự** hài hòa thân tâm, sự kết hợp của hai người nam nữ – có âm dương, có mẹ Tiên cha Rồng, có vợ chồng – đến sự hòa mục trong xóm làng (xã hội tự trị) đến sự thái hòa của đất nước. Và đỉnh cao tuyệt đỉnh của con người là thăng hoa theo chiều kích phát triển tình thương và trí tuệ (tâm linh), với định hướng BIẾN – HÓA – Thăng hoa – Hòa đồng.

Đặc Tính Gốc của Nền Văn Hóa Nhân Bản: Yếu Tính của Nước.

Chính mối quan hệ thiết thân giữa người và nước đã giúp cho cha ông chúng ta nắm bắt được yếu tính của nước và thể nghiệm chúng trong cuộc sống của dân tộc: linh động, thích nghi với mọi hoàn cảnh, (ở bầu thì tròn ở ống thì dài; ở ao thì ngưng, ở sông thì chảy) bao dung, nhẫn nhục (dơ, sạch nước đều nhận, không phân biệt) tự do bình đẳng, không chấp, tự nhiên giản dị, bất tranh, vô vi, tự thành lọc... khiêm cung mềm mỏng hơn là tự cao cứng rắn, tĩnh lặng quân bình (giúp chúng ta nhìn thấy sự việc rõ ràng hơn...). Sự quán chiếu quan trọng nhất của cha ông chúng ta về yếu tính của nước là:

1. Tính sinh hóa và tự sinh tự hóa của mọi loại.

2. Tự thân của nước chứa đựng các thuộc tính mâu thuẫn chỉ thấy ở các cặp đôi: cương nhu, cường nhược, tĩnh động, mưa thuận gió hòa (thiện) bão tố (ác), v.v....⁽⁹⁾

Lẽ dĩ nhiên, những đặc tính trên không chỉ thấy nơi người Việt. Nhưng chúng ta có thể xác quyết là, chỉ ở nơi người Việt và trong nếp sống dân gian, trong ngôn ngữ, ca dao tục ngữ, trong huyền thoại, chúng ta mới thấy những đặc tính trên một cách rõ ràng và sâu sắc. Sống trong môi trường sông rạch chằng chịt như mạch máu, phía đông lại giáp biển, cách làm ăn trồng lúa nước (nước phân cần giống) tổ tiên ta học rất nhiều ở nước.

Từ cơ sở quán chiếu ấy, cha ông chúng ta đã chuyển ý niệm quốc gia từ tập đôi **đất – nước** thành **Nước**. Đây là một thể hiện rõ rệt sự **chuyển biến từ ý niệm nhị nguyên sang nhất nguyên**.

Triết lý sống thái hòa và những yếu tính của nó được tổ tiên ta huyền thoại hóa qua truyện con Rồng cháu Tiên với biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng.

Thần tổ kép Tiên Rồng của dân Việt còn là biểu tượng thăng hoa theo chiều kích Nhân và Trí. Mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (non Nhân), cha Rồng Lạc Long sống dưới biển (nước Trí).

Tất cả các nét đặc trưng / đặc tính kể trên đã kết thành Đạo Sống Việt (cách sống Việt). Và chính cách sống hài hòa linh động uyển chuyển đó đã định hướng cho ông cha chúng ta trong suốt hơn 4000 năm lịch sử. Đạo sống Việt – cách sống Việt – lấy hòa làm chủ đạo cho mọi liên hệ ứng xử; và lấy tình thương, trí tuệ làm định hướng cho mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm để thăng hoa cuộc sống và con người.

CÔNG ĐỨC CỦA VUA HÙNG

Sở dĩ trên đây chúng tôi phải dài dòng minh chứng những nét đặc trưng / đặc tính tinh thần của dân tộc nói riêng và nền văn hóa Việt nói chung, chỉ nhằm mục đích minh xác công đức vĩ đại của vua Hùng:

1. Vua Hùng đã xây dựng, củng cố phát triển ý thức dân tộc. Ý thức dân tộc là nền móng của sự hình thành quốc gia (Vua Hùng dựng nước Văn Lang). Nó còn là yếu tính của xã hội công dân: Yếu tính này là nền tảng rèn luyện tinh thần dân chủ. Ý thức dân tộc khiến người dân không những chỉ dám hy sinh mạng sống cho đất nước (lòng yêu nước) mà còn “biết sống” cho tổ quốc (giữ thơm quê mẹ, phát triển đất nước) để duy trì và phát huy dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc. Người có ý thức dân tộc luôn luôn tin tưởng và tự hào về dân tộc mình⁽¹⁰⁾. Ý thức dân tộc – chủ nghĩa dân tộc – nuôi dưỡng và phát huy “hồn dân tộc”, bao hàm bản sắc và nội lực, giúp dân tộc được trường tồn với bản sắc cá biệt của dân tộc ta. Chính ý thức dân tộc sâu sắc ấy đã giúp cho dòng Lạc Việt bảo tồn được bản sắc trước áp lực đồng hóa khủng khiếp và liên tục hơn một ngàn năm của tộc Hán. Trăm dòng Việt (Bách Việt) trải dài từ phía Nam sông Dương Tử xuống đến phương Nam Ngũ Lĩnh, tận đến Quang Đông

Quang Tây, chỉ còn tồn tại một dòng Việt duy nhất – Lạc Việt – tiền thân của tổ tiên dân tộc Việt Nam.

2. Vua Hùng củng cố, phát huy sâu rộng nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước. Nó phát sinh từ nền văn hóa Hòa Bình⁽¹¹⁾, có niên đại C14 là 1075 +/- 175 năm, cách ngày nay; nó được nối tiếp phát triển với nền văn hóa Bắc Sơn và được phát huy sâu rộng ở nền văn hóa Phùng Nguyên: Thời đại vua Hùng dựng nước Văn Lang. Đó là nền văn hóa Hòa Bình nhân bản dân tộc mang tính khai phóng và dung hòa trong giao lưu qua lăng kính nhân chủ và dân chủ.
3. Vua Hùng là người đặt nền tảng và vạch ra con đường sống của dân tộc (= Nhân Đạo) qua lăng kính nhân chủ và dân chủ, trên nền tảng của xã thôn tự trị - một “cơ cấu xã hội chính trị đặt thù của dân tộc Việt Nam”, lấy con người toàn diện – không duy gì cả - làm trung tâm (làm gốc) cho mọi sinh hoạt về vật chất cũng như tinh thần, mà không kêu cầu đến tín ngưỡng tôn giáo⁽¹²⁾, ý thức hệ hay một triết thuyết kinh viện.
4. Vua Hùng – nói theo ngôn từ của thời đại – đã thực hiện thành công cuộc cách mạng văn hóa trong giới hạn của điều kiện thời đại lúc đó:
 - a. Xóa sạch tính dâm ô, loạn luân, phi nhân bản trong các huyền thoại, truyền thuyết. Cảnh con gái ngủ với cha, anh em lấy nhau, mẹ giết con, con giết cha, giết phụ nữ, trẻ em tế thần linh, thần thánh coi con người như rơm rác, trong huyền thoại của Tây Phương, Ấn Độ và Trung Hoa. Trái lại, chúng ta không tìm thấy những “cảnh phi đạo đức” nói trên trong huyền thoại truyền thuyết Việt Nam. Các nhân vật trong huyền thoại Việt Nam hầu hết là những con người, chứ không phải là thần linh – những con người trung hiếu thiện lành cứu dân (Lạc Long Quân) cứu nước (Phù Đổng Thiên Vương) giúp nước (Thánh Tảng Viên) phát triển văn hóa (Tiết Liêu). Phải chăng gọi bộ huyền thoại Việt Nam là bộ nhân thoại mới chính danh?
 - b. Đặt nền tảng cho tư tưởng “lấy người làm gốc”. Tất cả qui về người, rồi từ người mà sinh ra mọi sự, mọi việc.... Lấy “người làm gốc” tức trọng người, trọng sự sống, thương người: *thương người, người lại thương ta, ghét người, mình lại hóa ra ghét mình*, rồi không còn phân biệt mình, người: *thương người như thể thương thân*.

Thay Lời Kết: Hướng đi của dân tộc trong thế nhập cuộc toàn cầu hóa hiện nay.

Những công đức đó thật là vĩ đại. Nhưng tổ chức ngày Giỗ Tổ không phải chỉ để ca ngợi hết lời những công đức đó để thỏa mãn tự ái dân tộc. Ngày Giỗ Tổ cũng không phải là dịp để cao cá nhân hay phe nhóm với những bài diễn văn đầy danh từ cao đẹp. Tổ chức ngày Giỗ Tổ là để nhắc nhở chúng ta phải làm gì ích lợi cụ thể cho dân tộc và đất nước để trả ơn cho tổ tiên một cách thiết thực. Giỗ Tổ nhắc nhở chúng ta phải tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc, để tin tưởng và tự hào về dân tộc mình. Có thấu hiểu bản sắc dân tộc, chúng ta mới rèn luyện cho mình trở thành người có tinh thần dân tộc. Một người có ý thức dân tộc luôn luôn trân trọng trách nhiệm

“giữ thom quê mẹ” trong tinh thần tự giác. Một người có ý thức dân tộc kiên trì trong sứ mệnh, phát huy những giá trị tinh thần quý báu của dân tộc và “biết cách bảo tồn” dòng sinh mệnh vĩnh hằng của dân tộc. Cho nên trọng điểm của việc tổ chức ngày Giỗ Tổ là để nhắc nhở chúng ta tự giáo dục và giáo dục con cháu: nhớ công đức dựng nước và phát triển văn hóa dân tộc của vua Hùng. Nhớ công đức vua Hùng thiết thực nhất là chúng ta và con cái Việt phải có bổn phận, bằng mọi cách, **giữ nước**, thể hiện đạo lý của dân tộc: thương người như thể thương thân vào cuộc sống, đồng thời **phát triển đất nước** theo kịp đà tiến bộ của thế giới.

Nhân ngày Giỗ Tổ của năm 2007

Người Việt khẩn thiết ý thức thực hiện cuộc **chuyển hóa tâm thức** (phát triển tâm linh) trên nền tảng của giáo lý mà mình đang theo, trở thành người “**thiện lành**”, phát triển tình thương và trí tuệ, thể hiện **đạo lý** của dân tộc: “thương người như thể thương thân” và **triết lý sống** thái hòa, qua nếp sống hài hòa (hòa cả làng), lấy **tình nghĩa** làm đầu (một bồ cái lý, không bằng một tí cái tình) trong tinh thần “công bằng là đạo người ta ở đời, phá vỡ những ốc đảo (gà què ăn quần cối xay) những định kiến (kiến bò miếng chén) về chính trị và tôn giáo, xem “đổi lập” là bổ sung, chấp nhận dị biệt (rằng trong lẽ phải có người có ta) **thống nhất tri thức và tâm thức**, cùng nhau chung sống yên vui trong thanh bình thịnh vượng.

Tình thương hồn nhiên trong sáng – không mang bất cứ nhãn hiệu nào – sẽ hóa giải mọi mâu thuẫn, nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội:

1. Dân Tộc: **Người trong một nước phải thương nhau cùng.**
2. Nhân Loại: **Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn** (giàn dân tộc – gian nhân loại).

Ông cha ta thường nhắc nhở:

Thương nhau củ ấu cũng tròn (một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng)

Tình thương, trí tuệ, hài hòa và thượng tôn luật pháp là những yếu tố căn bản / nền tảng giải đáp nhu cầu tâm thức của con người trong thế toàn cầu hóa để xây dựng nên văn minh nhân bản mà loại người đang hướng tới.

Người Việt theo tục thờ cúng tổ tiên cũng cần phải tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức mà khơi điểm là trở về với chính mình (*tram hay là xoay vào lòng, ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*), **tự biết mình** xây dựng nếp sống **tĩnh thức**, qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở (truyền thống giáo dục nhân bản tâm linh) theo chiều kích phát triển tình thương và trí tuệ (phát triển tâm linh) với định hướng: BIẾN – HÓA – Thăng hoa, Hòa đồng: hòa vào dòng sống và cùng vũ trụ ngay tại đây và bây giờ⁽¹³⁾.

Vĩnh Như & Thường Nhược Thủy
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org

Ghi Chú:

- (1) Xin tham khảo thêm Đạo Sống Việt – Tủ Sách Việt Thường. NXB Ngày Nay, năm 2000.
- (2) Trường Hữu Quỳnh – Đại Cương Lịch Sử Việt Nam, NXB Giáo Dục, 1998, Trang 14-30.
- (3) Thương Nhược Thủy, Tổng quan về vai trò của nền văn hóa Việt (Đạo Sống Việt). NXB Ngày Nay năm 2000, Trang 34.
- (4) Thương Nhược Thủy, sđd, Trang 35.
- (5) Thương Nhược Thủy, sđd, Trang 35-36.
- (6) Thương Nhược Thủy, sđd, Trang 36.
- (7) Thương Nhược Thủy, sđd, Trang 36.
- (8) Thương Nhược Thủy, sđd, Trang 37.
- (9) Thương Nhược Thủy, sđd, Trang 39.
- (10) Thương Nhược Thủy, sđd, Trang 7-8.
- (11) Wilhelm G. Solheim II, New light on a forgotten Past, National Geographic, Vol. 139, No. 3, March 1971.
- (12) Ghi chú của người viết: Vua Hùng dựng nước Văn Lang. Khoảng năm 2879 trước Duong lịch. Thời đại đó ở nước Văn Lang không có tôn giáo. Phật giáo và Kito giáo cũng chưa xuất hiện trên trái đất.

Mặt khác trong quyền Đạo lý cho thiên niên kỷ mới (Ethics for the New Millennium do Linh Thụy chuyên ngữ). Đức Đạt Lai Lạt Ma đã viết: Chúng ta có thể ném bỏ hết tất cả các thứ khác: tôn giáo, lý tưởng,.... Nhưng chúng ta không thể tránh khỏi sự cần thiết của tình thương và tâm từ bi. Như thế, điều đó chính là tôn giáo thực sự của tôi, đức tin đơn thuần của tôi. Trong ý nghĩa đó, không cần đến chùa chiền hoặc giáo đường, đền thờ hay tòa thánh, cũng không cần các triết lý, giáo lý hoặc chủ thuyết phức tạp. Tự tâm ta, tự thức ta, chính là đền thờ. Chủ thuyết là từ bi, tình thương đối với tha nhân và tôn kính đối với quyền lợi và phẩm cách của họ, cho dù họ là ai và làm gì: cuối cùng đó là tất cả những gì chúng ta cần. Khi thực hành các điều trên trong đời sống hàng ngày, rồi thì, bất kể ta thọ học, hoặc tin theo tôn giáo nào khác hoặc không tin theo gì cả, một khi ta có tâm từ bi cùng tha nhân và hành sử giới chế phát xuất từ cảm thức trách nhiệm, không còn phải nghi ngờ nữa về hạnh phúc của chúng ta (trang 278-279).

- (13) Xem Con Đường Sống của Dân Tộc, Về Nguồn, Tư Tưởng Cốt Lõi của Đạo Sống Việt, <http://www.tusachvietthuong.org>, Nước: đặc tính gốc của nền minh triết nhân bản Việt – Tủ Sách Việt Thường, NXB Ngày Nay, 2000, trang 146-179.